TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ- ST
Ngày 13/5/2025
V/v: "Xin ly hôn "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Phạm Văn Nam

Bà Mai Thị Nhặc

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Nhật Trường- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng – Kiểm sát viên.

Ngày **13** tháng **5** năm **2025** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 83/2025/TLST- HN, ngày 14 tháng 3 năm 2025; về việc "*xin ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 217/2025/QĐXXST-HN ngày 24/4/2025 và quyết định hoãn phiên toà số: 218/2025/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2025 giữa các đương sự:

**** N đơn:*** Trần Thị Thanh N, sinh năm 1996;*Trú tại*: ấp Tân Quới 2, xã Phước H, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

**** Bị đơn*:** Võ Minh N1, sinh 1982; *Trú tại*: Ấp An H, xã Bình Kh, huyện Mỏ Cày N, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện N đơn chị N trình bày:

Vào năm 2014 tôi và anh N1 đã tiến tới hôn nhân, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Hiệp, huyện Mỏ Cày Nam. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, N nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hợp, anh N1 không chí thú làm ăn, đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh N1.

Quá trình sống chung vợ chồng có một con chung tên Võ Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 15/7/2014, từ lúc ly thân đến nay con sống cùng tôi, nay tôi xin trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng..

Tài sản chung; Nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Võ Minh N1 vắng mặt không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của N đơn

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm cho rằng các giai đoạn tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện nhiệm vụ tuân thủ đúng các quy định pháp luật, người tham gia tố tụng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Toà án nhưng không ảnh hưởng đến việc xét xử, nên đề nghị tiếp tục xét xử vụ án. Về nội dung vụ án đề nghị Áp dụng điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

Về con chung: Đề nghị giao con chung là bé Cẩm Tiên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung; Nợ chung: Không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị N cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì chị N có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của chị N là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã Bình Khánh, huyện Mỏ Cày Nam. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Anh N1 đã được triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh N1, chị N.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị N, anh N1 kết hôn trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, anh, chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn

nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị sống có hạnh phúc, lẽ ra anh, chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, sống ly thân bỏ mặt nhau. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết chị N vẫn giữ N quan điểm ly hôn, còn anh N1 đã được triệu tập rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy anh N1 không có thiện chí muốn trở về chung sống với chị N. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh chị là có thật, nếu để anh chị tiếp tục chung sống thì mục đích hôn nhân sẽ không đạt được, do đó chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là phù hợp.

[2] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung tên Võ Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 15/7/2014, từ lúc vợ chồng anh chị sống ly thân thì con sống cùng chị N, bé đã thích nghi với việc chăm sóc, giáo dục của chị N, nguyện vọng của bé Tiên sau khi được hỏi ý kiến cũng có nguyện vọng sống cùng chị N, nên giao bé Tiên cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Chị N không yêu cầu cấp dưỡng, nên ghi nhận.

[3] Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

[4] Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh N. Chị Trần Thị Thanh N được ly hôn với anh Võ Minh N1.

Về con chung: Chị N được trực tiếp nuôi con Võ Thị Cẩm Tiên, sinh ngày 15/7/2014, anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau đối với con chung, người không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, khi có căn cứ một hoặc cả hai bên chị N, anh N1 được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét.

Án phí: Chị N chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008530 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam.

N đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã Phước Hiệp (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký